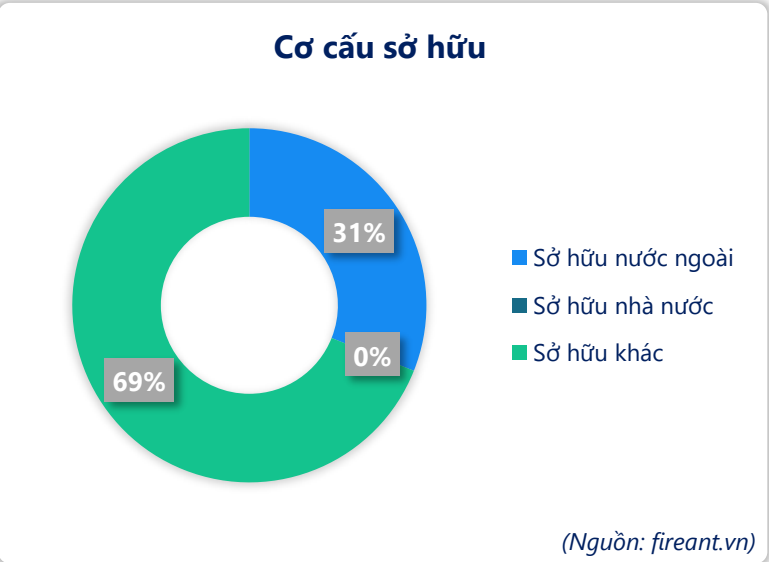
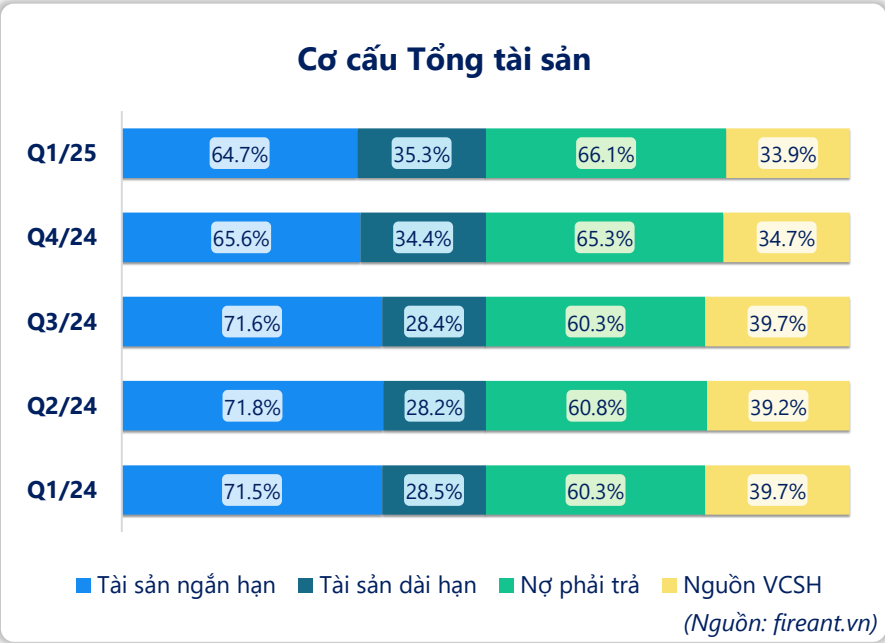
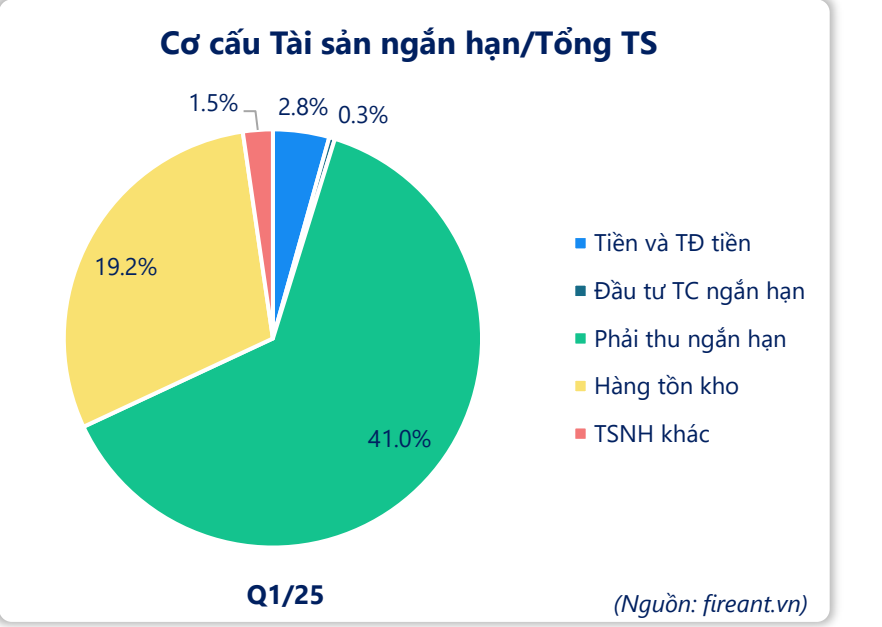
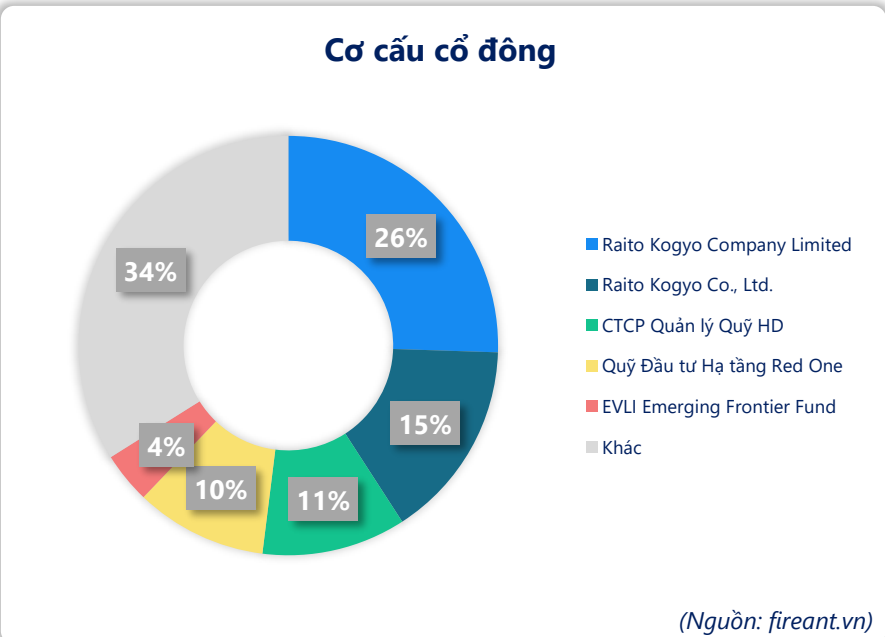
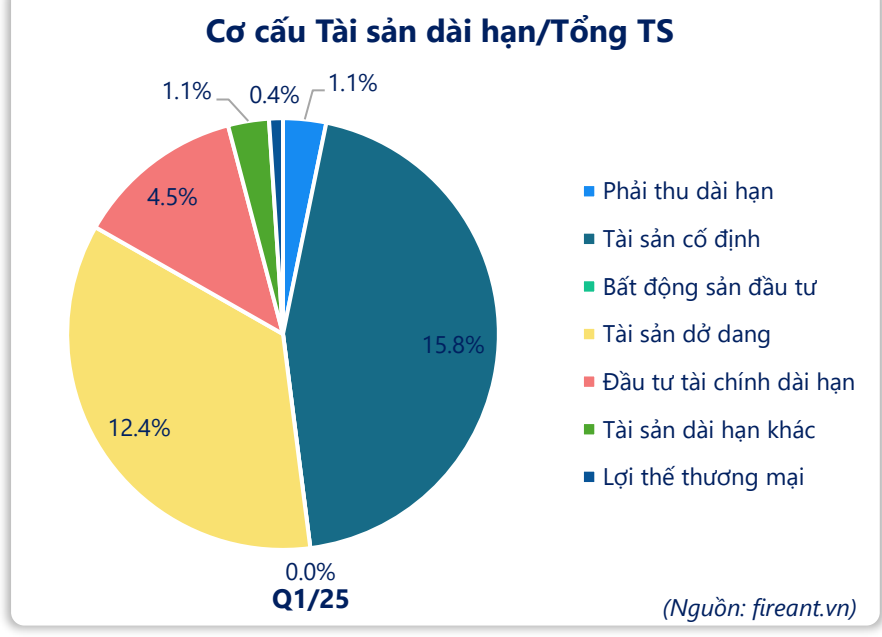
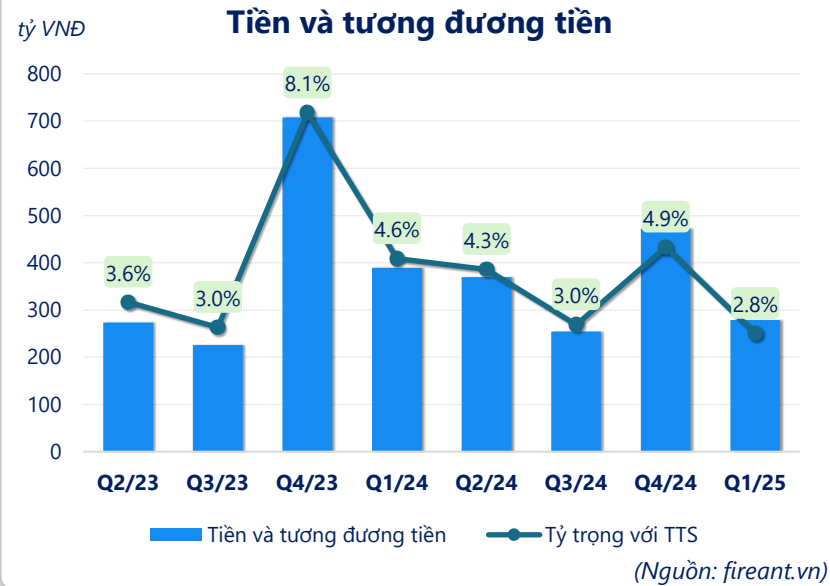
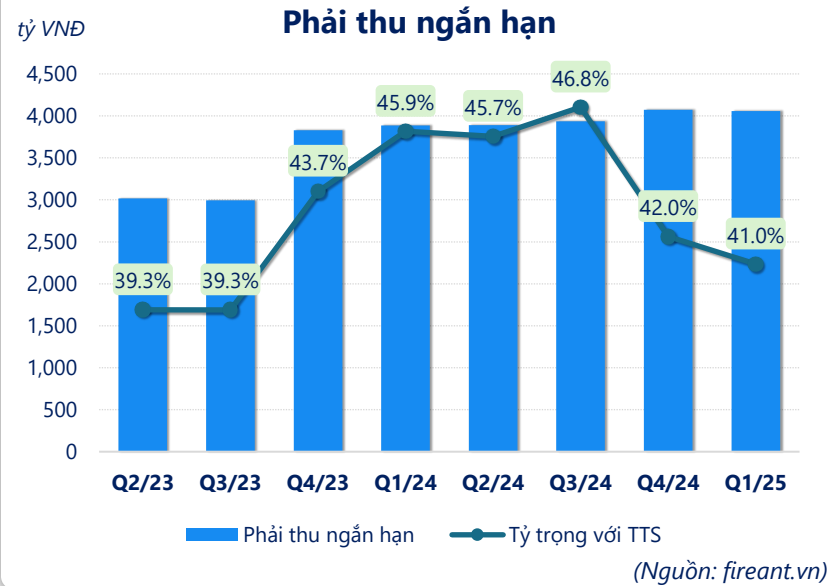
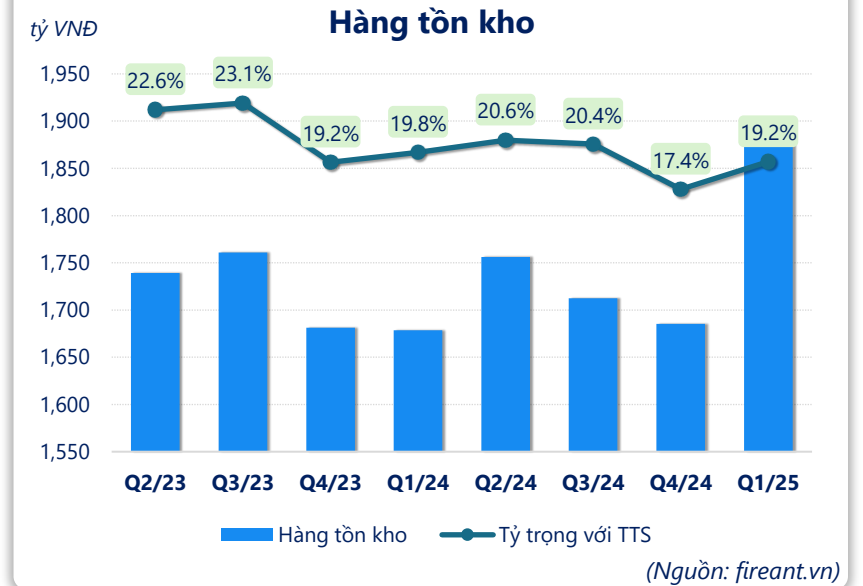
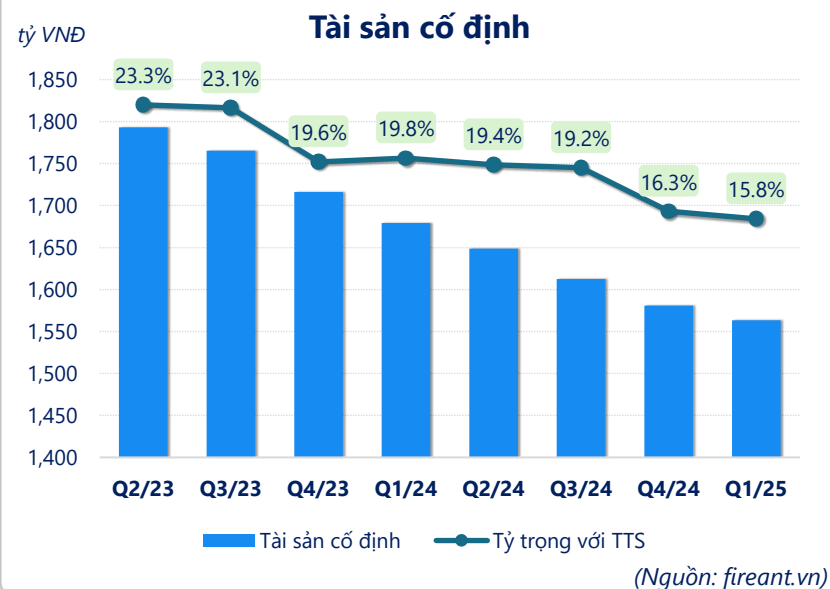
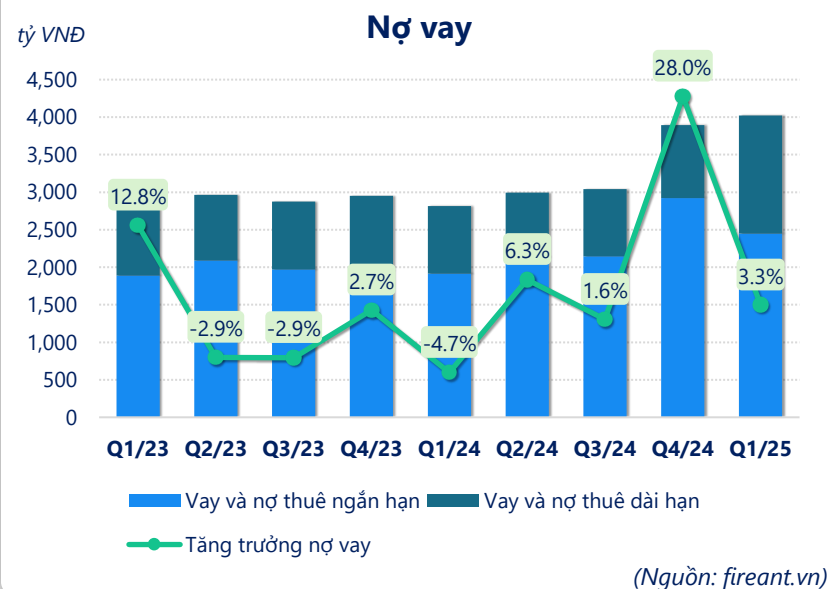
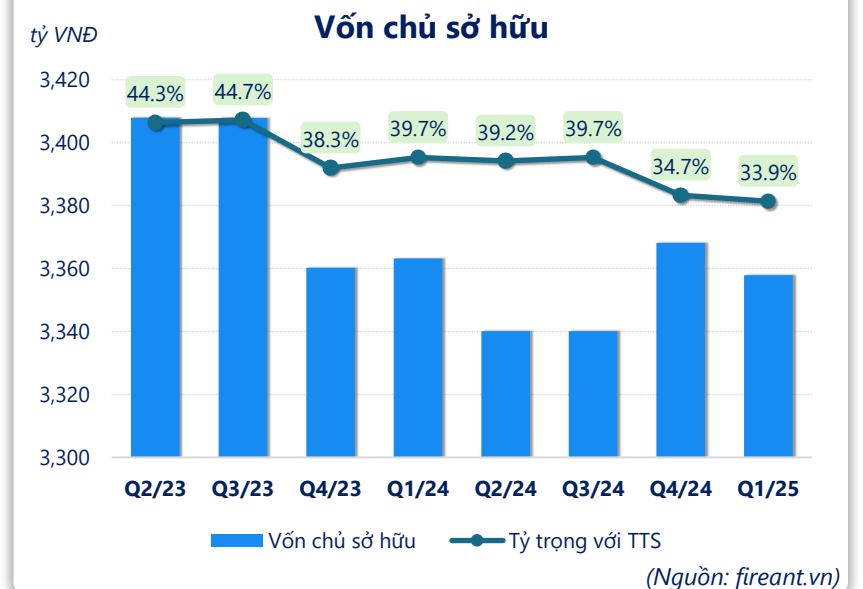
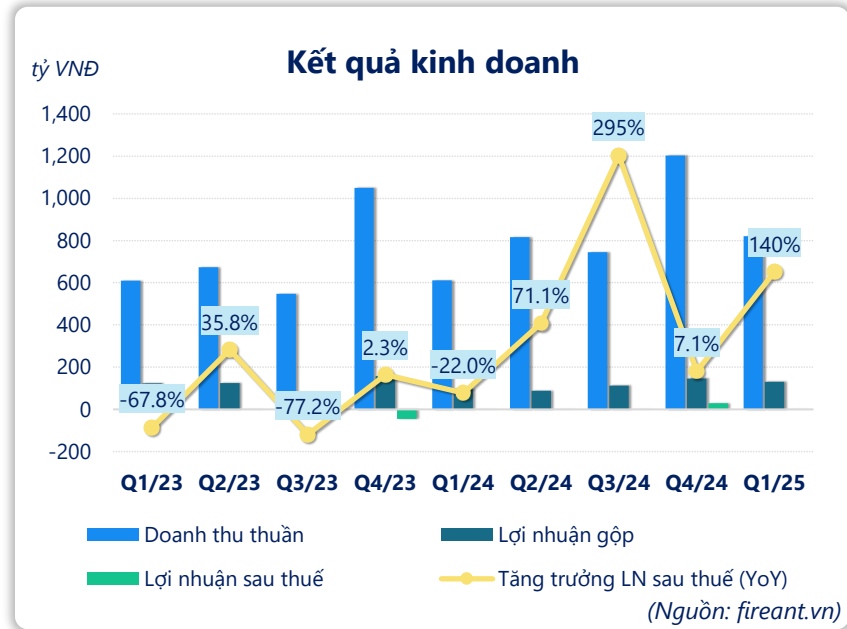
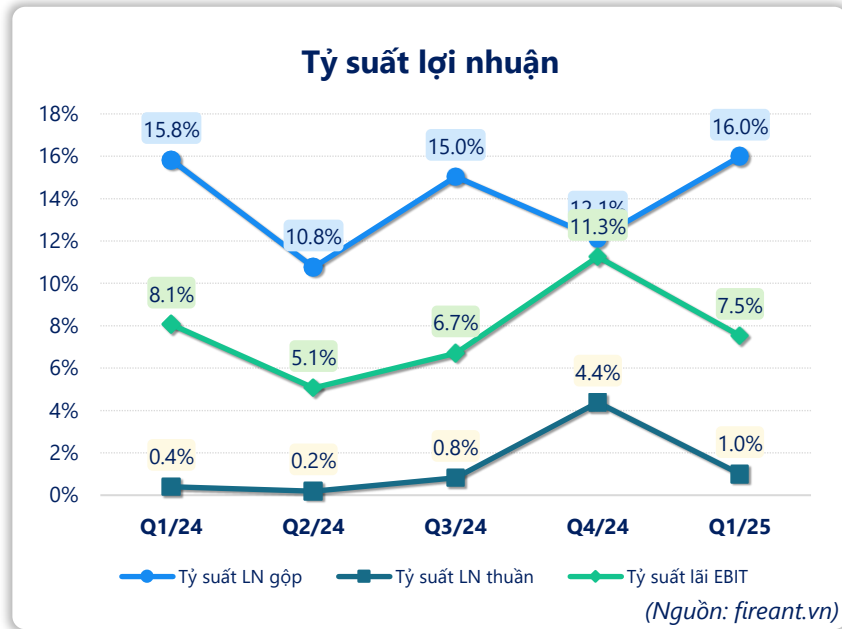
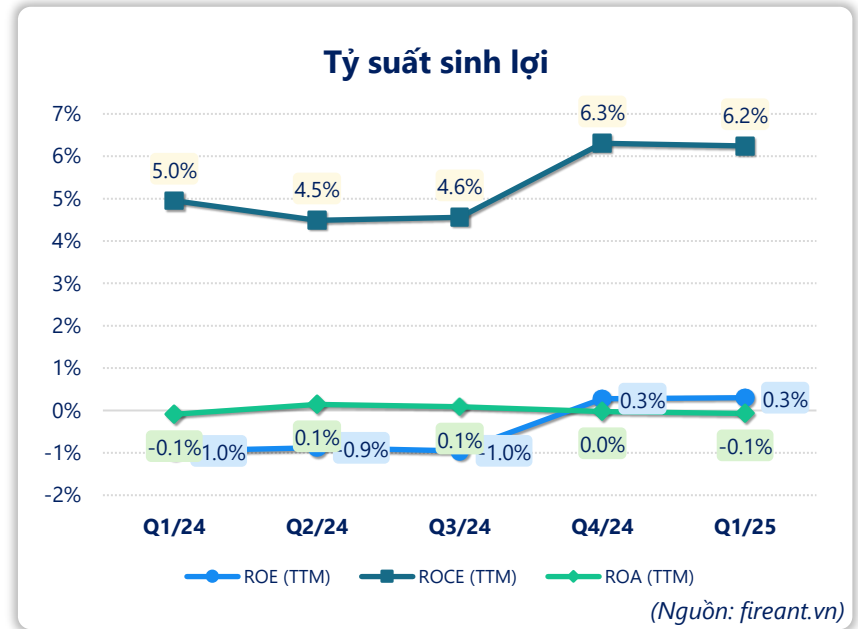
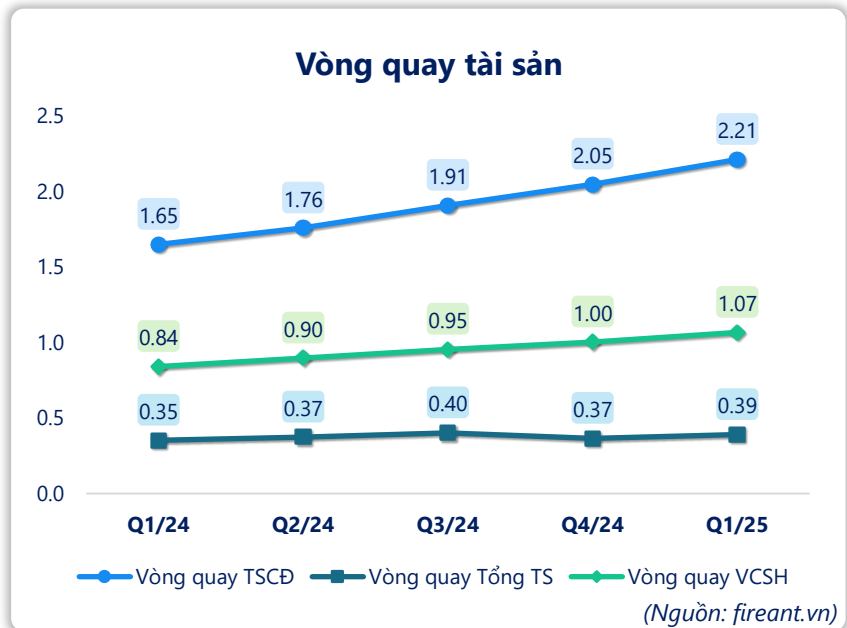
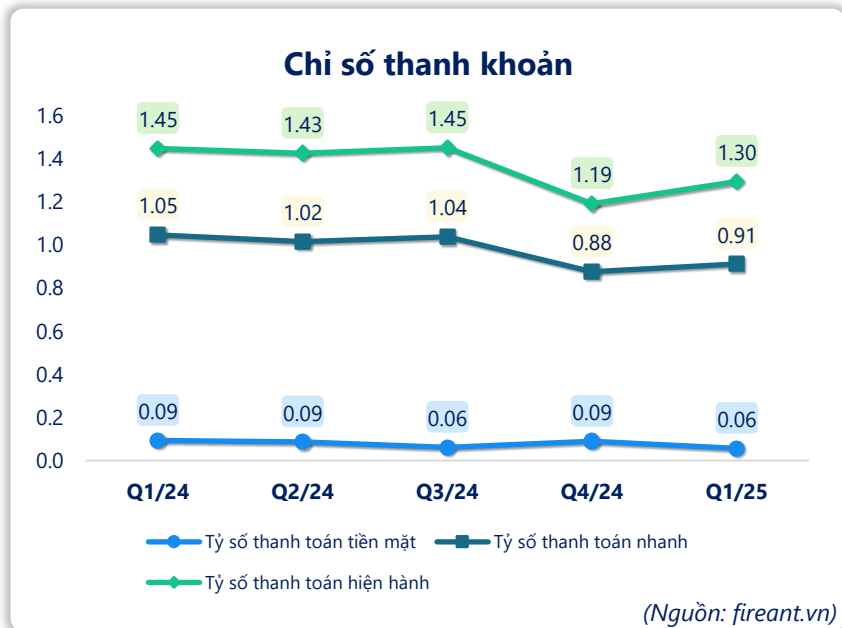
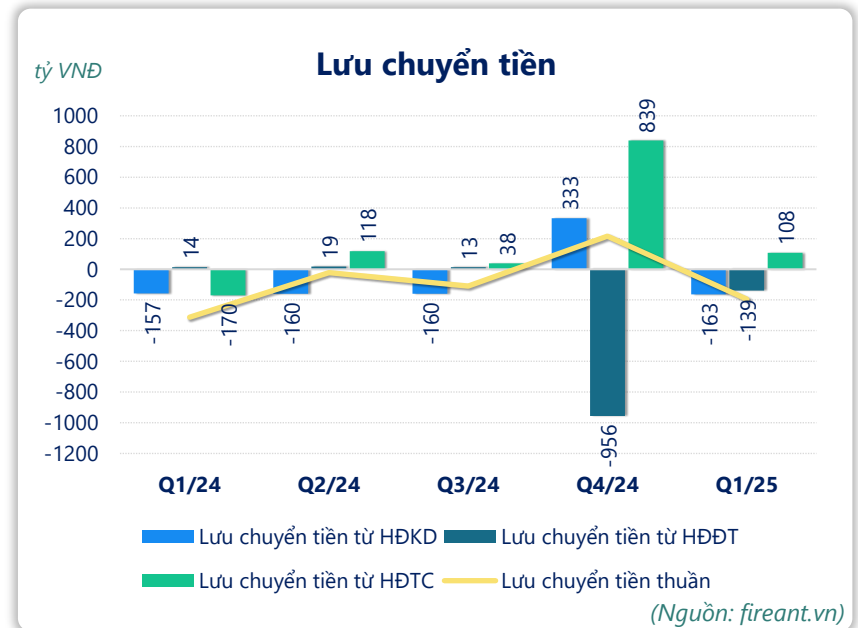


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,400
SL cổ phiếu LH		157,439,005
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,345,385
% sở hữu nước ngoài		31.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,204
P/E		217.4
EPS		64

	YTD	1T	3T	6T
FCN	-2.4%	-9.1%	-3.4%	4.1%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	9,905	9,706	2.0%
Tài sản ngắn hạn	6,411	6,370	0.7%
Tiền và tương đương tiền	279	473	-41.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.2	28.1	0.5%
Phải thu ngắn hạn	4,056	4,077	-0.5%
Hàng tồn kho	1,900	1,683	12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	148	109	36.1%
Tài sản dài hạn	3,493	3,336	4.7%
Phải thu dài hạn	113	121	-7.1%
Tài sản cố định	1,563	1,582	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,232	1,032	19.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	442	453	-2.3%
Tài sản dài hạn khác	107	111	-3.3%
Lợi thế thương mại	36.3	38.1	-4.7%
Nợ phải trả	6,547	6,338	3.3%
Nợ ngắn hạn	4,949	4,809	2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,450	2,381	2.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	903	809	11.6%
Nợ dài hạn	1,598	1,529	4.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,571	1,511	4.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,358	3,368	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	3,358	3,368	-0.3%
Vốn điều lệ	1,574	1,574	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	612	816	744	1,203	821
Giá vốn hàng bán	515	728	632	1,057	689
Lợi nhuận gộp	96.8	87.8	112	146	131
Doanh thu HĐTC	9.01	7.14	5.95	63.5	5.84
Chi phí TC	48.4	36.6	55.2	91.9	67.7
Chi phí lãi vay	47.6	35.7	46.3	85.5	57.6
LN trong công ty LKLD	0	0.04	-0.06	4.29	0.00
Chi phí bán hàng	5.21	4.87	5.26	10.6	6.78
Chi phí QLDN	49.7	51.9	51.2	58.5	54.3
LN thuần từ HĐKD	2.44	1.54	6.12	52.6	8.23
Lợi nhuận khác	-0.79	4.11	-2.53	-2.82	-4.02
LN trước thuế	1.65	5.65	3.58	49.8	4.21
Lợi nhuận sau thuế	0.64	0.71	0.03	28.8	1.05
LNST của CĐ cty mẹ	-7.33	11.6	7.15	-2.02	-6.57

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-157	-160	-160	333	-163
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	14.1	18.7	12.5	-956	-139
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-170	118	37.7	839	108
Tiền đầu kỳ	702	389	370	254	473
Lưu chuyển tiền thuần	-312	-22.8	-109	216	-194
Ảnh hưởng tỷ giá	0	3.00	-5.85	2.85	0.03
Tiền cuối kỳ	389	370	254	473	279

(Nguồn: fireant.vn)